

Bản án số: 46/2019/HS-ST

Ngày 17 - 6 - 2019

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phí Bá K, bà Nguyễn Thị L

Thư K phiên tòa: Bà Lê Việt P - Thư K Toà án nhân dân thị xã S, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tụ tuááng 5 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐHPT- TA ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đức T**, sinh năm 1989; nơi sinh: xã C, thị xã S, Hà Nội; ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; số thẻ CCCD: 001089001616; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1962; vợ Hoàng Thị Diệu L, sinh năm 1992 và có 02 con; tiền án: ngày 25/4/2017 TAND huyện Thạch Thất, H xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc, ngày 23/8/2017 TAND TP H xử phúc thẩm phạt 05 tháng tù về tội đánh bạc; tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/4/2011 TAND TX S xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 06/3/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Phạm Quang Đ**, sinh năm 1979; nơi sinh: xã C, thị xã S, H; ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã C, thị xã S, thành phố H; số thẻ CCCD: 001079021314; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và có 03 con; tiền án: ngày 25/4/2017 TAND huyện Thạch Thất, H xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 19/3/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. **Phạm Văn Đ.**, sinh năm 1982; nơi sinh: xã C, thị xã S, Hà Nội; ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; số thẻ CCCD: 001082006742; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Quốc T (đã chết) và bà Tạ Thị H, sinh năm 1952; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị

bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 01/3/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Phạm Văn K**, sinh năm 1983; nơi sinh: xã C, thị xã S, H; ĐKNKTT và cư trú: thôn T, xã C, thị xã S, thành phố H; số thẻ CCCD: 001083010802; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Văn Huân (đã chết) và bà Cao Thị T, sinh năm 1938; vợ Hà Thị T, sinh năm 1985 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 195/2006/HSST ngày 31/10/2006 Tòa án tỉnh Hà Tây xử phạt 06 tháng 22 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tháng 11/2009 UBND thị xã S ra quyết định cai nghiện bắt buộc đến ngày 11/11/2011 về địa phương, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 23/02/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. **Phạm Văn T**, sinh năm 1993; nơi sinh: xã C, thị xã S, Hà Nội; ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; số thẻ CCCD: 001093002683; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; vợ Bùi Thị M, sinh năm 1996, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 23/02/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. **Nguyễn Sông Đ..**, sinh năm 1988; nơi sinh: xã C, thị xã S, Hà Nội; ĐKNKTT và cư trú: thôn T, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; số thẻ CCCD: 001088997053; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; vợ Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1987 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 26/02/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. **Bùi Văn H**, sinh năm 1993; nơi sinh: xã C, thị xã S, Hà Nội; ĐKNKTT và cư trú: thôn T, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; số thẻ CCCD: 001093015060; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Bùi Văn C, sinh năm 1971 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1974; vợ Trần Thị Thu H, sinh năm 1993 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2019 đến ngày 23/02/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H: Luật sư Giang Văn Q, Công ty luật TNHH Tôi yêu luật, Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S, thành phố H.

3 Tạ Thị H, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, thị xã S, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/02/2019, Công an thị xã S phát hiện và bắt tang các đối tượng gồm Phạm Đức T, Phạm Quang Đ; Phạm Văn T, Bùi Văn H,

Phạm Văn K, Nguyễn Sông Đ.. đang có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa tại khu Đồi Giếng, xã Sơn Đông, thị xã S. Trong lúc tổ công tác bắt giữ Nguyễn Văn Đ. đã bỏ chạy, đến 18 giờ 30 cùng ngày, Đ. đến cơ quan điều tra đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 8.020.000 đồng, 01 bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Thu giữ trên người của Nguyễn Sông Đ.. 1.500.000đ, Phạm Đức T 530.000đ, Phạm Văn K 1.600.000đ, Phạm Văn T 2.400.000đ, Phạm Quang Đ 1.690.000đ, Khi Phạm Văn Đ. đầu thú đã tự nguyện giao nộp 1.050.000 đồng. Tổng số tiền tạm giữ trên người của các đối tượng là 8.770.000đ.

Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Sông Đ.. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus. Bùi Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S7; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Rxx màu đỏ, BKS 29Y1 - 006.62, bên trong cốp xe máy có 01 chiếc ví màu đen bên trong ví có 1.200.000 đồng. Phạm Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu đen. Phạm Văn K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 29V7 - 037.88. Phạm Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6 có ốp nhựa màu trắng, bên trong ốp có 550.000 đồng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 29U1 - 057.06. Phạm Quang Đ 01 ví giả da màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5. Phạm Văn Đ. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Loncin BKS 33K4 - 6181; bên trong cốp xe có 01 bao thuốc lá Thăng Long, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 quyển sổ hộ khẩu số 241628105; 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 và 1.260.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 14 giờ 00 ngày 20/02/2019 Phạm Đức T gọi điện thoại hỏi Phạm Văn Đ. xem có ai đánh bạc không nhưng Đ. không nghe máy. T tiếp tục gọi Phạm Văn T nhưng T trả lời không biết. Một lúc sau Đ. gọi điện thoại lại cho T, hiểu ý T rủ đánh bạc nên Đ. bảo T đến nhà Đ.. T gọi điện thoại rủ T đến nhà Đ.. Đến nơi, T và T rủ Đ. đến khu vực Đồi Giếng thuộc xã Sơn Đông, thị xã S để đánh bạc. Đ. đồng ý. T về nhà rủ Nguyễn Sông Đ.. đi đánh bạc, cả 2 đi xe taxi đến khu Đồi Giếng như đã hẹn. Đ. rủ Phạm Quang Đ, T gọi điện thoại rủ Bùi Văn H tham gia đánh bạc. Đ và H đều đồng ý. Đ chở Đ. đến khu Đồi Giếng. Trên đường đi, Đ. nhắn tin rủ Phạm Văn K tham gia đánh bạc. K đồng ý. T và Đ.. đến địa điểm đánh bạc đầu tiên, khi đến đã thấy có 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng. Khi đến nơi, Đ. lấy trong cốp xe đưa cho T 01 chiếc kéo cùng 01 bao thuốc lá Thăng Long, vỏ màu vàng để T cắt quân vị. T, Đ., Đ. và Đ ngồi đợi một lúc thì T và K đến. Lúc này, Đ. đi giải quyết việc riêng, còn lại T, Đ., Đ, T và K bắt đầu đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với nhau do T xóc cái. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì H đến tham gia đánh bạc cùng. Một lúc sau, Đ. quay lại đánh bạc và thay T xóc cái. Đ., T, Đ., Đ, T, K và H đánh bạc ăn tiền với nhau được vài ván thì H thua hết tiền, T còn 530.000 đồng nên T và H không chơi nữa mà ngồi xem Đ., Đ, T, K và Đ.. đánh bạc với nhau. Đến khoảng 16 giờ 20 phút

cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an thị xã S phát hiện bắt quả tang. Phạm Văn Đ. bỏ chạy, sau đó đã đến cơ quan Công an đầu thú.

Các đối tượng khai nhận: khi đi đánh bạc T có khoảng 700.000 đồng; Đ. có 2.600.000 đồng, Đ. cho Đ.. vay 1.500.000 đồng; Đ.. có 1.600.000 đồng và vay của Đ. 1.500.000; T có khoảng 7.270.000 đồng; Đ có khoảng 1.500.000 đồng; H có 1.200.000 đồng; K có 1.400.000 đồng, T bộ số tiền trên dùng vào mục đích đánh bạc. Các bị cáo khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc không trùng khớp với số tiền cơ quan điều tra thu giữ vì các bị cáo khai không nhớ chính xác số tiền mang theo khi tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc và cách tính tiền các bị cáo thông nhất nh- sau: Chiếu bạc gồm hai cửa chắn và lẻ. Mức đánh thấp nhất 20.000 đồng, 50.000 đồng, không hạn chế mức đánh cao nhất. Lúc đầu Phạm Đức T là người xóc cái. Mỗi ván chơi T để 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long gồm một mặt trắng và một mặt vàng lên trên đĩa sứ rồi úp bát sứ lên trên cho kín quân vị, xóc đều rồi sau đó đặt xuống cho các con bạc ngồi xung quanh đặt tiền đánh theo hai cửa chắn hoặc lẻ. Nếu trên đĩa có 03 quân vị cùng một màu vàng hoặc trắng và 01 quân vị màu trắng hoặc vàng là cửa lẻ thắng, tức là những người đánh cửa chắn thua; nếu có 02 quân vị màu trắng và 02 quân vị màu vàng hoặc cả 04 quân vị đều màu trắng hoặc đều màu vàng thì người đặt cửa chắn thắng, cửa lẻ thua. Tỷ lệ thắng cược là 1:1. T là người thu tất cả số tiền đặt ở các cửa thua để cân đối trả cho các cửa thắng, nếu thiếu thì T phải bỏ tiền của T ra để trả, nếu thừa thì T được thu về. T xóc cái đến khoảng 16 giờ thì Đ. xóc cái thay T cho đến khi bị Công an bắt.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát thị xã S đã truy tố các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn Đ., Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H về tội “Đánh bạc”, áp dụng khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn Đ., Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H phạm tội “Đánh bạc”. Về điều luật: đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 58 BLHS, xử phạt Phạm Đức T từ 06 đến 09 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52, điều 58 BLHS, xử phạt Phạm Quang Đ từ 06 đến 08 tháng tù. Các bị cáo T, Đ được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn Đ. từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1 điều 51, điều 58, điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn K từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, Đ, Đ., K.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 36 BLHS đối với các bị cáo T, Đ., H. Đề nghị xử phạt Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Sông Đ. từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Bùi Văn H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo T, Đ., H.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng khoản 1 điều 46, khoản 1 điều 47 BLHS và khoản 2 điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 bát, 01 đĩa, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếc kéo. Tịch thu sung công 16.790.000 đồng. Tịch thu phát mại sung công 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung của H; 01 chiếc điện thoại di động HUAWEI của Phạm Đức T; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 của T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của Đ.. Trả lại cho bị cáo T 01 xe máy Dream BKS 29U1 – 057.06; bị cáo Đ 01 chiếc ví giả da màu nâu; bị cáo Đ. 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 sim điện thoại số thuê bao sim 2 0908431358 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Loncin BKS 33K4 - 6181. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sông Đ. phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 36 BLHS. Đề nghị HĐXX cho bị cáo Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo được đưa ra các tài liệu, chứng cứ phù hợp quy định của pháp luật, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi phạm tội được thể hiện: Ngày 20/02/2019 các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn Đ., Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H cùng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa tại khu vực đồi Giếng, xã Sơn Đông, thị xã S. Các bị cáo tham gia đánh bạc đến khoảng 16h20 phút cùng ngày thì bị Công an phát hiện bắt quả tang Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.790.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ

căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn Đ., Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt: Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hoá và gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng không có tổ chức, không có người canh gác, chỉ là đồng phạm giản đơn nên áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự. Cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo

Bị cáo Phạm Đức T là người khởi xướng, lựa chọn địa điểm đánh bạc, rủ rê người khác cùng tham gia đánh bạc, cắt quân vị, xóc cái và dùng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò tích cực. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 bị cáo bị Tòa án thị xã S xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc (đã được xóa án), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, ngày 23/8/2017 lại bị Tòa án huyện Thạch Thất xử phạt tù về tội đánh bạc. Bị cáo Phạm Quang Đ dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có 01 tiền án ngày 23/8/2017 Tòa án huyện Thạch Thất xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, bị cáo chưa thi hành án. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo T, Đ thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Nên áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn. Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và có con nhỏ bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện Nhi Trung ương) nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Phạm Văn Đ. rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, chuẩn bị công cụ để cắt quân vị, bị cáo đã thay T xóc cái cho đến khi bị Công an bắt quả tang, bị cáo dùng 1.100.000đ để đánh bạc và cho Đ. vay 1.500.000đ để Đ. đánh bạc. Bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò tích cực. Khi Công an bắt đã bỏ trốn, sau đó cùng ngày bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo Phạm Văn K vào đánh bạc sau và dùng 1.400.000đ để đánh bạc. Nhân thân bị cáo có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án) và 01 tiền sự về cai nghiện ma túy (đã hết thời hiệu). Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Đ, K. Tuy nhiên, xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, bị cáo Đ. phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã ra đầu thú nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ. theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo

ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, Đ, Đ., K.

Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm. Khi tham gia đánh bạc T có 7.270.000đ, Đ. có 1.600.000đ và vay của Đ. 1.500.000đ, H có 1.200.000đ. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T có ông ngoại là liệt sỹ. Gia đình bị cáo Đ., H đều có người thân có công với cách mạng, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và đều có nơi c- trú ổn định nên cho các bị cáo đ- ợc cải tạo tại địa ph- ơng theo quy định tại điều 36 Bộ luật hình sự để các bị cáo có điều kiện sửa chữa, cải tạo thành công dân tốt. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam được quy đổi bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trắng, số imei 1: 357329084322348, imei 2: 357329084322348 bên trong lắp sim số thuê bao 0982987993; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Rxx BKS 29Y1 - 006.62, số máy: 6087474, số khung 166061 và số tiền 1.200.000 đồng; 01 chiếc ví màu đen thu giữ của thu của Bùi Văn H, quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Rxx là tài sản của anh Nguyễn Văn Toán; 01 chiếc ví màu đen và 1.200.000 đồng để trong ví là tài sản của chị Nguyễn Thị Kim Anh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 thu giữ của Đ; số tiền 550.000 đồng thu giữ của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus thu giữ của Đ.; số tiền 1.260.000 đồng và 01 quyển sổ hộ khẩu số 241628105 của bà Tạ Thị Hiền. Các tài sản trên đều không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp. Đến nay, không ai yêu cầu gì không nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn, 01 bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 19 điếu, vỏ màu vàng bị cắt một phần vỏ bao phía trước; 01 chiếc kéo bằng kim loại chuôi màu xanh là công cụ phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 16.790.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và trong người các bị cáo, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại HUAWEI, màu đen, bên trong sim có số thuê bao 0988292329 thu của Phạm Đức T; 01 chiếc điện thoại SAMSUNG J7, màu vàng, số IMEI1: 352810097774455; IMEI2: 352811097774453, bên trong lắp sim số thuê bao sim 1: 0969765143 của Phạm Văn Đ.; 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng đồng, số IMEI 354427065199827, bên trong lắp sim số thuê bao 0971912112, điện thoại được bảo vệ bằng 01 ốp nhựa màu trắng thu của Phạm Văn T; 01 chiếc điện thoại SAMSUNG màu đen, số IMEI 355500072238181, bên trong lắp sim số thuê bao 039311663 thu của Bùi Văn H,

các tài sản này các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Dream, màu sơn nâu, BKS 29U1- 057.06, số máy 1464066, số khung 164028 thu của Phạm Văn T; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu LONCIN, màu sơn nâu, BKS 33K4- 6181, số máy 00395684, số khung 1067284 và 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 sim điện thoại số thuê bao sim 2: 0908431358 thu của Phạm Văn Đ.; 01 chiếc ví màu bị cáo Phạm Văn Đ đây đều là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo, không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 29V7 - 037.88 có chủ sở hữu là anh Nguyễn Phi Hậu, địa chỉ: Đội 3, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, H đây là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại huyện Hoài Đức, H. Cơ quan điều tra đã tách ra để chuyển đến Công an huyện Hoài Đức giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

4. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

5. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phản ánh cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX thấy không có dấu hiệu vi phạm nên không kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn Đ., Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Đức T 06 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/2/2019 đến ngày 06/3/2019).

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Quang Đ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/2/2019 đến ngày 19/3/2019).

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Phạm Văn Đ. 06 (sáu) tháng tù nh-ng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Văn K 06 (sáu) tháng tù nh-ng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ., Phạm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã S, thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đ., K phải có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 58; điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, đ- ọc trừ 04 (bốn) ngày (từ ngày 20/2/2019 đến ngày 23/02/2019) đã bị tạm giữ bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Mức hình phạt còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Nguyễn Sông Đ.. 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, đ- ọc trừ 07 (bảy) ngày (từ ngày 20/2/2019 đến ngày 26/02/2019) đã bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Mức hình phạt còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bùi Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, đ- ọc trừ 04 (bốn) ngày (từ ngày 20/2/2019 đến ngày 26/02/2019) đã bị tạm giữ bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Mức hình phạt còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đ- ọc tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, thị xã S nhận đ- ọc quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã S, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 46, khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn; 01 bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 19 điếu, vỏ màu vàng bị cắt một phần vỏ bao phía trước; 01 chiếc kéo bằng kim loại chuỗi màu xanh

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.790.000 đồng.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại HUAWEI, màu đen, bên trong sim có số thuê bao 0988292329 thu giữ của Phạm Đức T; 01 chiếc điện thoại SAMSUNG J7, màu vàng, số IMEI1: 352810097774455; IMEI2: 352811097774453, bên trong lắp sim số thuê bao sim 1: 0969765143 thu giữ của Phạm Văn Đ.; 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng đồng, số IMEI 354427065199827, bên trong lắp sim số thuê bao 0971912112, điện thoại được bảo vệ bằng 01 ốp nhựa màu trắng thu giữ của Phạm Văn T; 01 chiếc điện thoại SAMSUNG màu đen, số IMEI 355500072238181, bên trong lắp sim số thuê bao 039311663, không kiểm tra được IMEI thu giữ của Bùi Văn H.

Trả lại bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Dream, màu sơn nâu, BKS 29U1- 057.06, số máy 1464066, số khung 164028; Phạm Văn Đ. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu LONCIN, màu sơn nâu, BKS 33K4- 6181, số máy 00395684, số khung 1067284 và 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 sim điện thoại số thuê bao sim 2: 0908431358 (của chiếc điện thoại SAMSUNG J7); Phạm Văn Đ 01 chiếc ví giả da màu nâu.

(T bộ vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2019 và số tiền 16.790.000 đồng Công an thị xã S thu giữ đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1052740, ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tại kho bạc Nhà nước S, H).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Quang Đ, Phạm Văn K, Phạm Văn Đ., Phạm Văn T, Nguyễn Sông Đ., Bùi Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

*Nơi gửi:

-Toà án TP Hà Nội;

-VKSTXS;

- Công an TX S;

- Chi cục THADS TX S

- Các bị cáo;

- Người có quyền lợi liên quan

- Dân án;

- Lưu hồ sơ.

T.M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị T